

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HS-ST
Ngày 17 - 01 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Sang.

Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 78/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2022, các Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2022/HSST-QĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022, số: 36/2022/HSST-QĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 và số: 01/2023/HSST-QĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **Trần Ngọc Th**, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2000 tại Thái Bình; căn cước công dân số: 034200003299; nơi cư trú: Thôn S, xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân P và bà Phạm Thị T; chưa có vợ; chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

2. Bị cáo: **Phạm Thanh T**, sinh ngày 28 tháng 01 năm 1993 tại Thái Bình; căn cước công dân số: 034093005460; nơi cư trú: Thôn LT, xã TA, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Trần Thị Q; có vợ là Trần Thị N; có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

3. Bị cáo: **Nguyễn Trường S**, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1999 tại Thái Bình; căn cước công dân số: 034099004391; nơi cư trú: Thôn LT, xã TA, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ng và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Nguyễn Quỳnh M; chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

4. Bị cáo: **Phạm Văn C**, sinh ngày 18 tháng 9 năm 2000 tại Thái Bình; căn cước công dân số: 034200003301; nơi cư trú: Thôn TT, xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Q; có vợ là Hoàng Thị Ngọc L; chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

*** Bị hại:**

1. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn LT, xã TA, huyện V, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

2. Anh Trần Ngọc Th, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn S, xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

*** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C:** Ông Hà Trọng Đ và ông Phạm Kỳ D - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Hà Trọng Đại và cộng sự. (ông D có mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Anh Phạm Trường G, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn LT, xã TA, huyện V, tỉnh Thái Bình. (có mặt)
2. Nguyễn Minh H, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)
3. Nguyễn Đ T, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn B, xã TA, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)
4. Anh Trần Mạnh C, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn S, xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)
5. Trần Tiến Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn V, xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)
6. Anh Trần Hà B, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn N, xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)
7. Anh Phạm Tiến T, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn 4, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)
8. Anh Trần Hữu D, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn L, xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 08 tháng 8 năm 2021, Phạm Văn C đi xe mô tô chở Trần Ngọc Th đi sinh nhật bạn về đến cầu Ông Cân thuộc xã NX, huyện V, tỉnh Thái Bình thì Th nhìn thấy Trần Hữu D và Nguyễn Tiến T đang ngồi ở quán cà phê T Hạ. Th bảo C dừng xe, C đứng bên ngoài, Th đi vào trong quán gặp và ngồi nói chuyện với D và T. Khi nói chuyện, D nói cho Th biết Phạm Trường G vừa ngồi uống nước ở quán và có nói chuyện về việc trước đây G đánh Th. Do bức tức, Th đi ra bảo C chở về nhà, mục đích của Th là lấy hung khí mang đến nhà G hỏi chuyện đánh nhau ngày trước nhưng không nói cho C biết. Trên đường về, Th gọi điện thoại cho Nguyễn Minh H (bạn chơi với Th và G), nói: “Mày vào nhà G Hồng xem thế nào, nó bảo nó đánh tao”, H trả lời: “Để tao xem thế nào chứ toàn anh em cả”. Khi C chở Th về đến nhà, C định quay xe đi thì Th bảo C đợi một lát để chở Th đi có việc. Th vào nhà lấy 01 túi, dạng túi

đựng võng, bên trong túi có 01 thanh tuýp bằng sắt, một đầu có hàn gắn dao nhọn (phóng lộn), 01 con dao mèo và 01 thanh kiếm rồi quay ra bảo C chờ đến xã TA, huyện V. Khi đi qua quán cà phê T Hạ, D và T nhìn thấy Th ngồi sau xe cầm túi đựng hung khí, do 01 đầu thanh tuýp bằng sắt lộ ra ngoài nên D và T nghĩ là Th đi đánh nhau nên đã đi xe mô tô đuổi theo sau để can ngăn. C chờ Th qua cầu Đồng Thép, xã NX thì gặp Trần Tiến Đ đi xe mô tô chở Trần Mạnh C và Trần Hà B đi ngược chiều, C gọi: “É” thì C nói với Đ quay xe lại đi theo để xem C và Th đi đâu. Khi đến đoạn ngã ba thôn LT, xã TA thì Th dừng xe, Đ thấy vậy cũng dừng xe lại đứng nói chuyện.

Về phía H, sau khi nghe cuộc gọi của Th, H điện thoại cho G hòa giải rồi điện cho Nguyễn Đức T bảo T đi xe mô tô đến chỗ H đi tìm Th và G để tiếp tục hòa giải. T chở H đến khu vực ngã ba thôn LT, xã TA thì gặp nhóm Th đang đứng ở đó. Th gọi hỏi H: “Sao rồi”. H trả lời: “Mày lên làm gì, có việc gì đâu”. Th nói: “Mày để tao vào nói chuyện”. T can ngăn nói: “Tao chơi với G Hồng, không vào đấy được” và giật túi đựng đồ của Th nhưng không được. C cũng can ngăn và giật túi đựng đồ của Th. Th giằng và cầm giữ được thanh tuýp bằng sắt gắn dao nhọn còn túi rơi xuống đất nên dao mèo, kiếm và vỏ kiếm bằng nhựa văng ra. Thấy vậy, D nhặt chiếc túi và vỏ thanh kiếm. C nói với Th: “Không đánh nhau gì cả, về đi”. Th nói: “Mày cứ chở tao vào nói chuyện với thằng G cho xong đi”. C đồng ý và nhặt thanh kiếm dắt vào bộ xe mô tô của mình còn B nhìn thấy Th cầm đoạn tuýp sắt gắn dao và nhìn thấy ở gốc cây trước cửa quán hàn xì của anh Lê Thanh T ở thôn LT, xã TA có 01 thanh tuýp bằng sắt nên cầm lấy. T nhặt con dao mèo cầm trên tay trái. D nhặt chiếc túi và vỏ thanh kiếm bằng nhựa. Sau đó, C điều khiển xe chở D ngồi giữa, Th ngồi sau, T điều khiển xe mô tô chở một nam thanh niên (không xác định được là ai) và B ngồi sau cùng, Đ chở C và một nam thanh niên (không xác định được là ai), T chở H để đi đến nhà G. Trên đường đi, T còn nói với theo Th: “Say rượu rồi thì về đi”.

Khi cả nhóm đi qua nhà G khoảng 20m thì tất cả dừng xe lại. Th xuống xe, tay phải cầm thanh tuýp bằng sắt gắn dao nhọn đi đến gặp G. Lúc này, G đang ngồi uống nước trước cửa nhà cùng Phạm Thanh T (anh trai G) và Nguyễn Trường S. Thấy Th đi đến, G đi ra đứng đối diện với Th, T cũng đi ra giơ tay lên

ý nói hai người bình tĩnh. Th nói với G: “Sao bạn xuống uống nước lại nói tôi như thế”. G trả lời: “Anh em đã nói chuyện chưa”. Thấy vậy, B, D cùng một nam thanh niên đi đến chỗ Th và G mục đích xem hai bên có mâu thuẫn gì để can ngăn (lúc này trên tay B cầm tuýp sắt, D cầm vỏ kiếm). Th và G tiếp tục có lời qua tiếng lại, B nói: “Thôi, về đi Th”. Lúc này, ông Phạm Văn H (bố của G) tay cầm ổ khóa và chùm chìa khoá đi từ trong nhà ra chỉ về phía Th nói: “Đ... mẹ, thằng nào đánh con tao” và lao vào giằng lấy thanh tuýp sắt của Th nhưng không được. Thấy vậy, B và D đi ra chỗ nhóm của T và Đ đang đứng. Lúc này, G giơ tay đâm về phía Th, Th lùi lại phía sau một đoạn rồi hai tay cầm thanh tuýp gắn dao nhọn chém một nhát chéo chéo từ trái sang phải, rồi chém thêm nhiều nhát từ phải sang trái về phía ông H và G, làm ông H và G bị thương ở tay phải. Thấy Th chém bố và em trai, T chạy ra nói to: “Bố gọn ra”. Cùng lúc này, C đang đứng bên cạnh xe mô tô của mình ở phía ngoài, thấy bên nhà G có đông người mà chỉ có một mình Th nên C dắt xe đưa cho T rồi rút thanh kiếm dắt ở bộ xe mô tô giờ lên chạy về phía Th với mục đích hỗ trợ Th đánh chống trả lại phía nhà G. Khi C chạy đến gần thì thấy Th vút thanh tuýp sắt gắn dao xuống đường và bỏ chạy về hướng UBND xã TA, phía người nhà bên G đuổi theo nên C cũng quay người bỏ chạy rồi lên xe T chở về. T đưa con dao mèo cho C, C cầm cả kiếm và dao vút lại trên đường. B và D cũng vút kiếm, vỏ kiếm và túi trong lúc bỏ chạy. Những người còn lại sợ bị đánh nên đã bỏ chạy hết.

Trên đường bỏ chạy, Th nhặt được thanh kiếm và vỏ thanh kiếm bằng nhựa của những người khác vút lại, G cầm dao bầu trên tay đuổi theo phía sau Th. Th chạy thêm được một đoạn thì gặp T đi xe mô tô chở H đi đến. Th chạy lên song song với xe T và nói: “Cho tao đi nhờ với” rồi nhảy lên ngồi phía sau ôm H. Th ngồi chúi đầu về phía trước. Lúc này H nói: “Nó phang tao rồi”, ý nói bị G phi dao bầu vào đầu H. Th nhìn thấy phía sau đầu H chảy máu. T tiếp tục điều khiển xe về hướng UBND xã VT, huyện V mục đích đưa H đến Trạm y tế xã băng vết thương.

Khi Th bỏ chạy, Phạm Thanh T nhặt được thanh tuýp bằng sắt gắn dao nhọn của Th vút lại trên đường, T cầm chạy đuổi theo nhưng không thấy Th. T quay về thì gặp Nguyễn Trường S, T bảo S: “Lấy xe mô tô đuổi theo bọn nó”, ý

đuổi theo Th. S đồng ý, đồng thời S nhặt được con dao mào ở trên đường cầm trên tay rồi lấy xe mô tô biển số 17B9 - 197.27 chở T đi tìm Th. Khi đến gần UBND xã VT, huyện V thì gặp T đi xe mô tô chở H và Th hướng ngược chiều. T nói với S: *“Quay lại đuổi theo”*. S quay xe và đuổi theo xe mô tô của T với vận tốc khoảng 70km/h. Khi bám sát phía sau xe T, T ngồi sau cầm tuýp sắt gắn dao chọc về phía Th và nói: *“Dừng lại”*, Th tay cầm vỏ thanh kiếm bằng nhựa giờ ra đờ, sau đó vút vỏ thanh kiếm ở dọc đường. Khi đến dốc đê sân bóng Thái Lai thuộc thôn Bồng Lai, xã VT, huyện V, lúc này hai xe cách nhau khoảng 07m thì xe của T loạng choạng rồi đổ nghiêng sang phải trong tình trạng đèn xe vẫn sáng. Th nhảy khỏi xe, vút con dao mào trên bờ đê và bỏ chạy xuống sân bóng Thái Lai. T cũng nhảy xuống xe, cầm thanh tuýp sắt gắn dao đuổi theo Th và hô: *“Dừng lại”*. Th chạy được khoảng 25m thì dừng lại, quỳ xuống, chấp tay xin T: *“Anh ơi cho thằng H đi viện, nó mất nhiều máu lắm rồi, em sẽ về gặp anh sau”*. T đi đến dùng tay đấm vào mặt Th làm Th ngã và nằm ngửa xuống sân bóng. T tiếp tục dùng tay, chân đấm, đạp liên tiếp vào vùng mặt của Th làm Th bất tỉnh. Sau đó, T gọi T xuống cùng T khênh Th lên trên đường rồi bảo T đi xe mô tô chở Th về nhà T, T ngồi sau ôm Th. S đi xe chở H đi sau. Trên đường đi, do Th ngồi ngả nghiêng nên T dùng tay đấm vào mặt Th nhiều lần để Th ngồi ngay ngắn lại. Khi về đến cầu Ông Cân thì gặp G đi xe mô tô hướng ngược chiều, T và S dừng xe, G quay xe lại đi đến hỏi T: *“Th bị làm sao”*, T nói: *“Th bị ngã xe bất tỉnh”* rồi tất cả mọi người đi tiếp. Khi về đến nhà T thì Công an xã TA, huyện V đến giải quyết vụ việc, ông H, Th, G và H được đưa đi bệnh viện điều trị vết thương. Ngày 25 tháng 8 năm 2022 Th xuất viện, ngày 11 tháng 8 năm 2022 ông H xuất viện, G và H sau khi xử lý khâu vết thương được ra viện ngay trong ngày.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 203/21/TgT ngày 06 tháng 9 năm 2021, Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thái Bình kết luận đối với thương tích của ông Phạm Văn H: *“Ông Phạm Văn H bị thương tích vùng tay phải do vật sắc tác động làm rách da, tổ chức dưới da, làm đứt bao thần kinh trụ và đứt một phần thần kinh, đứt bán phần gân gấp cổ tay trụ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 14% (mười bốn phần trăm)”*.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 204/21/TgT ngày 06 tháng 9 năm 2021, Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thái Bình kết luận đối với thương tích của Phạm Trường G: “Anh Phạm Trường G bị thương tích vùng tay phải do vật sắc tác động làm rách da, tổ chức dưới da. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 02% (hai phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 238/21/TgT ngày 12 tháng 10 năm 2021, Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thái Bình kết luận đối với thương tích của Trần Ngọc Th: “Trần Ngọc Th bị thương tích vùng hàm mặt do vật tày tác động làm gãy xương hàm trên hai bên, gãy cung tiếp gò má trái, gãy xương C mũi. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 33% (ba mươi ba phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 273/21/TgT ngày 03 tháng 12 năm 2021, Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thái Bình kết luận đối với thương tích của Nguyễn Minh H: “Nguyễn Minh H bị thương tích vùng đầu do vật sắc tác động làm rách da, tổ chức dưới da. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 01% (một phần trăm)”.

Sau khi sự việc xảy ra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thu giữ, quản lý: 01 con dao loại một mặt lưỡi, mũi nhọn, cán dao bằng nhựa màu đen, tổng chiều dài dao là 45cm, phần lưỡi dài 33cm bằng kim loại màu đen, trên lưỡi dao có dòng chữ COLDSTEEL; 01 tuýp sắt một đầu có hàn gắn 01 lưỡi dao nhọn, tổng chiều dài là 2,2m, tuýp sắt có đường kính 27cm, dài 1,97m, lưỡi dao là loại một mặt lưỡi, mũi nhọn dài 23cm và 01 thanh kiếm bằng kim loại màu đen, tổng chiều dài 70cm, một mặt lưỡi, mũi nhọn, chiều dài lưỡi kiếm là 50cm, chuôi kiếm được quấn dây dù màu đen.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, Nguyễn Minh H có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự đối với thương tích của H và không yêu cầu bồi thường dân sự nên cơ quan điều tra không khởi tố vụ án. Ngày 16 tháng 8 năm 2022, Nguyễn Trường G có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự đối với thương tích của G và không yêu cầu bồi thường dân sự.

Quá trình điều tra, truy tố, Trần Ngọc Th, Phạm Văn C T khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông Phạm Văn

H số tiền là 10 triệu đồng. Phạm Thanh T không thừa nhận hành vi dùng tay, chân đánh gây thương tích cho Th, theo T, thương tích của Th là do khi bỏ chạy xuống dốc đê, Th bị ngã. Nguyễn Trường S khai không gây thương tích cho Th, không hỗ trợ T gây thương tích cho Th. T, S tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Th số tiền là 20 triệu đồng. Ông H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Th và C. Th có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T và S.

Cáo trạng số 73/CT-VKSVT ngày 16 tháng 9 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với Trần Ngọc Th và Phạm Văn C về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự, Phạm Thanh T và Nguyễn Trường S về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Trần Ngọc Th, Phạm Văn C, Phạm Thanh T, Nguyễn Trường S đều khai nhận hành vi như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

- Ông Phạm Văn H trình bày: Đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại là 10 triệu đồng, ngoài ra, không yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Ông đề nghị HĐXX cho các bị cáo Th, C được tự cải tạo ngoài xã hội.

- Trần Ngọc Th trình bày: Đã nhận đủ số tiền bồi thường là 20 triệu đồng, ngoài ra, không yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Đề nghị HĐXX cho các bị cáo T, S được tự cải tạo ngoài xã hội.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên các bị cáo Trần Ngọc Th, Phạm Văn C, Phạm Thanh T, Nguyễn Trường S phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134, các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Ngọc Th mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm đến 05 năm, tính từ ngày tuyên án. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134, các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo

Phạm Thanh T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, tính từ ngày tuyên án. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134, các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm đến 04 năm, tính từ ngày tuyên án. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134, các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 50, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn C mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng đến 03 năm, tính từ ngày tuyên án. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 con dao mào, 01 thanh kiếm và 01 thanh tuýp bằng sắt có hàn gắn dao nhọn. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Trần Ngọc Th, Phạm Thanh T, Nguyễn Trường S, Phạm Văn C đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn C trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, hoàn cảnh gia đình, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo C được hưởng án treo để có cơ hội ở lại cộng đồng, sửa chữa lỗi lầm, trở T một người công dân tốt.

Các bị hại là ông Phạm Văn H, Trần Ngọc Th đều đồng ý với ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Các bị cáo Trần Ngọc Th, Phạm Thanh T, Nguyễn Trường S, Phạm Văn C nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức ra hành vi sai phạm của mình, các bị cáo rất hối hận và xin gửi lời xin lỗi đến bị hại, đề nghị HĐXX xem xét cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Ngọc Th, Phạm Thanh T, Nguyễn Trường S và Phạm Văn C đều khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với đơn trình báo và lời khai của các bị hại, lời khai của những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, biên bản xác định hiện trường, biên bản làm việc và sơ đồ về việc dựng lại hiện trường vụ án, biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng, các bản kết luận giám định pháp y về thương tích của các bị hại, ngoài ra, còn phù hợp với các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2.2.1] Đối với hành vi của Trần Ngọc Th và Phạm Văn C: Do có mâu thuẫn từ trước giữa Th và G nên khoảng 22 giờ 50 phút ngày 08 tháng 8 năm 2021, Th cầm theo hung khí đến nhà G ở thôn LT, xã TA, huyện V, tỉnh Thái Bình nói chuyện thì tiếp tục xảy ra xích mích, lời qua tiếng lại giữa Th với G và ông Phạm Văn H (bố G). Th đã có hành vi dùng thanh tuýp bằng sắt có hàn gắn dao nhọn (được xác định là hung khí nguy hiểm) chém gây thương tích ở tay phải cho ông H và G. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với ông H tại thời điểm giám định là 14%, đối với G tại thời điểm giám định là 02% (G không yêu cầu khởi tố nên không giải quyết). C có hành vi đi xe mô tô chở Th mang theo hung khí đến nhà G, lúc đầu C có can ngăn Th nhưng khi thấy Th đã chém G và ông H bị thương, người nhà G chạy ra thì C cầm thanh kiếm giơ lên chạy về phía Th với mục đích hỗ trợ Th đánh chống trả lại phía nhà G, khi thấy Th bỏ chạy, C bỏ chạy theo. C không trực tiếp gây thương tích nhưng C đã đồng phạm với vai trò giúp sức cho Th đối với hành vi gây thương tích gây thương tích cho ông H.

[2.2.2] Đối với hành vi của Phạm Thanh T, Nguyễn Trường S: Sau khi thấy ông H và G (bố và em trai T) bị Th gây thương tích bị thương ở tay, T cầm theo phóng lộn đuổi, tìm Th và tại dốc đê sân bóng Thái Lai thuộc thôn Bồng Lai, xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình, T đã có hành vi dùng tay, chân đánh vào vùng mặt và đã gây thương tích cho Th, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Th tại thời điểm giám định là 33%. S đã có hành vi đi xe mô tô chở T cầm theo hung khí đi tìm, đuổi đánh Th, S không trực tiếp gây thương tích cho Th nhưng hành vi của S là đồng phạm với T với vai trò giúp sức cho T đối với hành vi gây thương tích cho Th.

[2.3] Hành vi của các bị cáo Trần Ngọc Th, Phạm Văn C đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Phạm Thanh T, Nguyễn Trường S đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[3] Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31 % đến 60%;

...;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

...

[4] Đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của các bị cáo Th, C đã gây thương tích cho ông H với tỷ lệ 14%. Hành vi của các bị cáo T, S đã gây thương tích cho Th với tỷ lệ 33%.

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều không có sự bàn bạc, phân công, chuẩn bị từ trước nhưng để có hình phạt phù hợp, HĐXX cần đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án như sau:

[5.1] Trần Ngọc Th là người khởi nguồn của sự việc, trực tiếp gây thương tích cho ông H. Phạm Văn C mặc dù đã có hành vi cản ngăn Th nhưng sau đó vẫn tiếp nhận ý chí của Th, cầm hung khí chạy lại với mục đích hỗ trợ Th trong việc chống trả phía bị hại. Do đó, đối với hành vi này cần xác định Th giữ vai trò thứ nhất, C giữ vai trò thứ hai.

[5.2] Phạm Thanh T không có mâu thuẫn với Th từ trước nhưng khi thấy Th gây thương tích cho bố và em trai, T đã có hành vi dùng chân, tay đấm, đá và gây thương tích cho Th. Nguyễn Trường S mặc dù không trực tiếp gây thương tích cho Th nhưng có hành vi chở T đi tìm, đuổi đánh Th, hành vi của S đã giúp sức, tạo điều kiện cho T đánh và gây thương tích cho Th. Do đó, xác định T giữ vai trò thứ nhất, S giữ vai trò thứ hai đối với hành vi này.

[6] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục xong toàn bộ thiệt hại về sức khỏe cho các bị hại, các bị cáo đều T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, quá trình điều tra các bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và tại phiên tòa đều đề nghị cho các bị cáo đã gây thương tích cho mình được tự cải tạo ngoài xã hội, do đó, các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo, thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt thể hiện các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do đó, HĐXX cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách phù hợp, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Riêng đối với các bị cáo C, S đồng phạm với vai trò giúp sức, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên chỉ cần áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra, các bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ thiệt hại. Theo đó, bị cáo Th, C bồi thường cho ông Phạm Văn H số tiền 10 triệu đồng; bị cáo T, S bồi thường cho Trần Ngọc Th số tiền 20 triệu đồng. Xét thấy thỏa thuận của các bên là tự nguyện, phù hợp pháp luật, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 con dao loại một mặt lưỡi, mũi nhọn, cán dao bằng nhựa màu đen, tổng chiều dài dao là 45cm, phần lưỡi dài 33cm bằng kim loại màu đen, trên lưỡi dao có dòng chữ COLDSTEEL; 01 tuýp sắt một đầu có hàn gắn 01 lưỡi dao nhọn, tổng chiều dài là 2,2m, tuýp sắt có đường kính 27cm, dài 1,97m, lưỡi dao là loại một mặt lưỡi, mũi nhọn dài 23cm và 01 thanh kiếm bằng kim loại màu đen, tổng chiều dài 70cm, một mặt lưỡi, mũi nhọn, chiều dài lưỡi kiếm là 50cm, chuôi kiếm được quấn dây dù màu đen, cơ quan điều tra đã quản lý là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về các vấn đề khác:

[10.1] Đối với Nguyễn Minh H, theo kết luận giám định đã xác định H bị thương tích 01%, H có đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên cơ quan điều tra không khởi tố đối với hành vi này là đúng pháp luật.

[10.2] Đối với Nguyễn Minh H, Trần Đ T, Trần Hà B, Trần Hữu D, Nguyễn Tiên T, Trần Mạnh C và Trần Văn Đ, những người này đi cùng Trần Ngọc Th đến nhà Phạm Trường G, trong đó B cầm theo 01 tuýp sắt, T cầm dao

mèo, D cầm vỏ thanh kiếm bằng nhựa. Quá trình điều tra xác định những người trên không bàn bạc, rủ rê, kích động đi đánh nhau, cả nhóm đi theo với mục đích can ngăn đánh nhau nếu xảy ra do đều là chỗ quen biết và chơi với cả Th và G nên cơ quan điều tra không có biện pháp xử lý là đúng pháp luật.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và các bị hại có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc Th, Phạm Thanh T, Nguyễn Trường S, Phạm Văn C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc Th 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17 tháng 01 năm 2023). Giao bị cáo Trần Ngọc Th cho UBND xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thanh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17 tháng 01 năm 2023). Giao bị cáo Phạm Thanh T cho UBND xã TA, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17 tháng 01 năm 2023). Giao bị cáo Nguyễn Trường S cho

UBND xã TA, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

2.4. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17 tháng 01 năm 2023). Giao bị cáo Phạm Văn C cho UBND xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

2.5. Trong trường hợp Trần Ngọc Th, Phạm Thanh T, Nguyễn Trường S và Phạm Văn C là những người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về bồi thường thiệt hại: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy 01 con dao loại một mặt lưỡi, mũi nhọn, cán dao bằng nhựa màu đen, tổng chiều dài dao là 45cm, phần lưỡi dài 33cm bằng kim loại màu đen, trên lưỡi dao có dòng chữ COLDESTEEL; 01 tuýp sắt một đầu có hàn gắn 01 lưỡi dao nhọn, tổng chiều dài là 2,2m, tuýp sắt có đường kính 27cm, dài 1,97m, lưỡi dao là loại một mặt lưỡi, mũi nhọn dài 23cm và 01 thanh kiếm bằng kim loại màu đen, tổng chiều dài 70cm, một mặt lưỡi, mũi nhọn, chiều dài lưỡi kiếm là 50cm, chuôi kiếm được quấn dây dù màu đen. (Toàn bộ vật chứng đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện V vào ngày 05 tháng 10 năm 2022)

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trần Ngọc Th, Phạm Thanh T, Nguyễn Trường S, Phạm Văn C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo Trần Ngọc Th, Phạm Thanh T, Nguyễn Trường S và Phạm Văn C và các bị hại ông Phạm Văn H, Trần Ngọc Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17 tháng 01 năm 2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra và Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cùng cấp;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương